TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Tiểu My** -Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh Lê Tuấn K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khóm B, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

(Chị T và anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Lê Tuấn K tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2000, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, đến năm 2010 thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, anh chị cũng đã

sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay, mâu thuẫn kéo dài và không thể giải quyết được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Lê Tuấn K1, sinh ngày 10/9/2004, hiện nay cháu K1 đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tuấn K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh K và chị T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2000, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp và cách nuôi dạy con cái như chị T đã trình bày, anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh K đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Lê Tuấn K1, sinh ngày 10/9/2004, cháu K1 hiện đang sống với chị T. Anh K đồng ý giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con thì anh K đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Tuấn K là vợ chồng. Giao con chung tên Lê Tuấn K1, sinh ngày 10/9/2004 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Chị Huỳnh Thị Kiều T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Chị Huỳnh Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Tuấn K. Anh K có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều

28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Tuấn K đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Tuấn K tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2000 là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, chị T và anh K không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Tuấn K là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Lê Tuấn K1, sinh ngày 10/9/2004. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1. Xét thấy hiện nay cháu K1 đang sống cùng với chị T, cháu K1 vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Đồng thời, anh K cũng đồng ý giao cháu K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Cho nên, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu K1 cho chị T nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K1, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Tuấn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Tuấn K1, sinh ngày 10/9/2004 cho chị Huỳnh Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Cháu K hiện nay đang sống cùng chị T nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Kiều T không yêu cầu anh Lê Tuấn K cấp dưỡng cho cháu Lê Tuấn K1, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Lê Tuấn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lê Tuấn K1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Huỳnh Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006448 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.